

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1030/2024/DS-ST
Ngày 19-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thiệu Liên
- Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 9 năm 2024 và ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST - DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 585/2024/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2024/QĐST – DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Y;

Địa chỉ trụ sở: Đường P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Đường K, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Lưu Hoàng Phúc T, bà Ngô Thị L, bà Kha Cẩm P – là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Y. – có mặt.

Địa chỉ: Đường K, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hoàng Gia Đ, sinh năm: 1975 – vắng mặt

Địa chỉ thường trú: đường A, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Trần Việt T, sinh năm: 1993 – vắng mặt

Địa chỉ: đường M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Y (sau đây gọi là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020 với ông Hoàng Gia Đ và bà Trần Việt T, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 6635661(1).20 thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền 900.000.000 đồng. Mục đích giải ngân: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SEDONA. Thời hạn vay là 96 tháng, từ ngày 23/01/2020 đến ngày 22/01/2028. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 22 hàng tháng.

Từ thời điểm giải ngân đến nay ông Đ, bà T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 311.785.008 đồng; tiền lãi là 235.879.420 đồng. Số tiền gốc còn lại tính đến ngày 19/7/2024 là: 588.214.992 đồng. Số tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 19/7/2024 là: 125.146.275 đồng.

Ngày 22/11/2022, ông Đ và bà T không thanh toán tiền cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 04/6/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay sang nợ quá hạn.

Ngày 14/4/2020 Ngân hàng và bà Trần Việt T, ông Hoàng Gia Đ có ký kết Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với hạn mức tín dụng là: 90.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng. Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tính đến ngày 19 tháng 7 năm 2024, thì bà Trần Việt T, ông Hoàng Gia Đ còn nợ tiền gốc là: 67.924.985 đồng, nợ lãi quá hạn là: 41.217.020 đồng, phí là: 70.794.205 đồng. Tổng số tiền là: 179.936.210 đồng.

Khoản nợ vay có tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4407081.20 ngày 20/01/2020, tuy nhiên ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Y yêu cầu bà Trần Việt T và ông Hoàng Gia Đ phải trả số tiền tạm tính đến ngày 19 tháng 7 năm 2024 là 952.202.675 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng: tổng dư nợ là: 772.266.465 đồng. Trong đó, nợ gốc: 588.214.992 đồng; nợ lãi trong hạn là: 125.146.275 đồng; nợ lãi quá hạn là: 58.905.198 đồng. Và tiếp tục tính lãi quá hạn, lãi chậm trả kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2024 cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Thẻ tín dụng: số tiền gốc là: 67.924.985 đồng; nợ lãi quá hạn là: 41.217.020 đồng; phí là: 70.794.205 đồng. Tổng số tiền là: 179.936.210 đồng. Và tiếp tục tính lãi quá hạn cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Ngoài các yêu cầu trên đại diện ngân hàng không còn yêu cầu nào khác

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ngân hàng buộc bị đơn phải trả tiền gốc, lãi, phí tính đến nay xét xử sơ thẩm là:

- Thẻ tín dụng: tổng số tiền là 179.936.210 đồng. Trong đó, nợ gốc là 67.924.985 đồng; nợ lãi quá hạn là 41.217.020 đồng; phí là 70.794.205 đồng. Và tiếp tục tính lãi quá hạn cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Hợp đồng tín dụng: 819.630.033 đồng. Trong đó nợ gốc: 588.214.992 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.226.890 đồng, lãi quá hạn là: 177.188.151 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020. Và tiếp tục tính lãi quá hạn, lãi chậm trả cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đối với Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc ông Hoàng Gia Đ và bà Trần Việt T trả tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử.

Đối với khoản nợ theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với hạn mức tín dụng là: 90.000.000 đồng, do chỉ có chữ ký của bà T, không có chữ ký của ông Đ, ngân hàng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T sử dụng số tiền vào mục đích thực hiện nhu thiết yếu của gia đình, đề nghị Hội đồng chấp nhận một phần yêu cầu về việc buộc bà T trả số tiền gốc, lãi, phí theo Đề nghị phát hành thẻ; không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về việc buộc ông Đ cùng bà T trả số tiền mà bà T đã thực hiện giao dịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi, phí theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Nội dung tranh chấp:

[3.1] Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông Hoàng Gia Đ, bà Trần Việt T, về chủ thẻ Ngân hàng có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, ông Đ bà T có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham

gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản phù hợp theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[3.2] Đối với nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngân hàng đã giải ngân số tiền 900.000.000 đồng cho ông Đ, bà T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ bà T không trả nợ đúng kỳ hạn vào ngày 22/10/2022 nên nguyên đơn đã chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 23/10/2022 và thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ vay còn lại. Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 588.214.992 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3] Về lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...*”.

Về lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 9.4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.3%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản này). Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm.

Về lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Như vậy, lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng hạn phù hợp theo quy định của pháp luật. Xét thấy, do nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ gốc nên bị đơn phải trả nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền 231.415.041 đồng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.4] Nợ thẻ tín dụng: căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, các bản sao kê giao dịch thẻ tín dụng VIB, sao kê chi tiết giao dịch tài khoản thẻ tín dụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Trần Việt T, loại thẻ MC VIB Happy Drive, hạn mức 90.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà T đã thực hiện nhiều giao dịch nhưng chưa thanh toán tiền cho Ngân hàng, cho đến nay bà T còn nợ tiền gốc là 67.924.985 đồng. Bà T đã không thanh toán số tiền tối thiểu được ngân hàng thông báo "*khi đến hạn thanh toán vào trước 16 giờ ngày đến hạn thanh toán, nếu rơi vào Thứ 7 thì thanh toán trước 11 giờ*". Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được các bên thỏa thuận trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử

dụng tài khoản, Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền gốc 67.924.985 đồng Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi quá hạn: ngân hàng và bà T thỏa thuận, bà T phải chịu tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% của lãi cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, thỏa thuận của ngân hàng và bà T phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Xét thấy, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên bà T phải trả nợ lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà T trả số tiền lãi quá hạn là 41.217.020 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về nợ phí chậm thanh toán: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện VIB được niêm yết trên trang Web của ngân hàng thì khi đến ngày hạn thanh toán mà ngân hàng không nhận được toàn bộ khoản thanh toán tối thiểu thì phải trả khoản phí chậm trả tại từng thời kỳ, phí chậm trả áp dụng tại thời điểm chậm trả là 4%/số tiền chậm thanh toán (tối thiểu: 200.000 đồng, tối đa: 2.000.000 đồng) áp dụng trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ chưa thanh toán theo thông báo của Bảng sao kê Thẻ tín dụng hàng tháng. Như vậy, bà T đã thực hiện nhiều lần giao dịch nhưng không thanh toán số tiền tối thiểu khi đến hạn thanh toán đã được ngân hàng gửi thông báo qua bảng sao kê giao dịch thẻ tín dụng VIB. Do đó, ngân hàng yêu cầu bà T trả phí chậm thanh toán với số tiền 70.794.205 đồng Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu.

[3.5] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hoàng Gia Đ và bà Trần Việt T liên đới trả số tiền 179.936.210 đồng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 14/4/2020 (gọi là hợp đồng mở thẻ). Xét thấy, tại hợp đồng mở thẻ chỉ có một mình bà Trần Việt T ký kết, không có chữ ký, chữ viết của ông Hoàng Gia Đ. Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Hoàng Gia Đ biết việc bà Trần Việt T mở thẻ tín dụng để vay tiền, sử dụng số tiền trong tài khoản. Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Đ dùng số tiền của bà T vay. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà T vay tiền để thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc đại diện vay hoặc thực hiện các nghĩa vụ chung khác được quy định tại các điều 24, 25, 26, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật HNGĐ). Theo quy định tại Điều 27 của Luật HNGĐ thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26, các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật HNGĐ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đ liên đới trả số tiền do cá nhân bà T thực hiện theo hợp đồng mở thẻ với tổng số tiền 179.936.210 đồng Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[6]. Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Hoàng Gia Đ bà Trần Việt T phải chịu án phí có giá ngạch

trên số tiền 819.630.033 đồng phải trả cho ngân hàng với số tiền án phí là 36.588.901 đồng Theo Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020.

Bà Trần Việt T phải chịu án phí với số tiền là 8.996.811 đồng trên số tiền 179.936.210 đồng phải trả cho Ngân hàng Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 14/4/2024.

Ngân hàng không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 24, 25, 26, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Y về việc buộc bà Trần Việt T và ông Hoàng Gia Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Y tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2024 là: 819.630.033 đồng (tám trăm mười chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn không trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc: 588.214.992 đồng (năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), nợ lãi trong hạn là 54.226.890 đồng (năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi đồng), lãi quá hạn là: 177.188.151 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi tám nghìn một trăm năm mươi một đồng) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Gia Đ, bà Trần Việt T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 6635661.20 ngày 22/01/2020.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Y về việc buộc bà Trần Việt T trả số tiền tổng cộng là: 179.936.210 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm mười đồng). Trong đó, nợ gốc là 67.924.985 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 41.217.020 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm mười bảy nghìn không trăm hai mươi đồng), phí là 70.794.205 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn hai trăm lẻ năm đồng) Phát sinh theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 14/4/2024, Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Việt T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 14/4/2024 .

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Y về việc buộc ông Hoàng Gia Đ liên đới với bà Trần Việt T trả số tiền tổng cộng là: 179.936.210 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm mười đồng). Trong đó, nợ gốc là 41.217.020 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm mười bảy nghìn không trăm hai mươi đồng), phí là 70.794.205 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn hai trăm lẻ năm đồng) theo Phát sinh theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 14/4/2024.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Hoàng Gia Đ và bà Trần Việt T phải chịu án phí 36.588.901 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn chín trăm lẻ một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Trần Việt T phải chịu án phí số tiền là 8.996.811 đồng (tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Y số tiền 17.474.317 đồng (mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 26818 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự có mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm

